TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 244/2018/DS-PT Ngày 12 - 9 - 2018 V/v tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Ngọt

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Bà Nguyễn Thị Ngọc Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Quỳnh Mai – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên

Ngày 12 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 181/2018/TLPT-DS ngày 21 tháng 8 năm 2018 về việc tranh chấp bồi thường thiệt hại về tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2018/DS-ST trong các ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 207/2018/QĐPT-DS ngày 28 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Cẩm N, sinh năm 1986.

Địa chỉ: ấp BT, xã VT, huyện C, tỉnh B.

Đại diện theo ủy quyền của chị N: Ông Trần Nhật Long H, sinh năm: 1978. Địa chỉ: XYZC, đường HV, phường X, thành phố B, tỉnh B (tại văn bản ủy quyền ngày 01/6/2016)

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị Trúc L, sinh năm 1988. Địa chỉ: ấp QB, xã TT, huyện C, tỉnh B.

- Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Đỗ Thị Cẩm N.

Ông H, chị L có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm,

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn Đỗ Thị Cẩm N là ông Trần Nhật Long H trình bày:

Trước đây giữa chị Đỗ Thị Cẩm N và chị Nguyễn Thị Trúc L có tranh chấp về tiền hụi. Ngày 21/12/2014, chị L đã đến nhà chị N lấy của chị N 06 dàn máy vi tính gồm 06 thùng CPU và 06 màn hình (trong đó: có 05 thùng CPU main board Asus, 04 màn hình Dell còn bảo hành và 01 thùng CPU main board ECS, 02 màn hình Samsung đã qua sử dụng, không còn hoá đơn, chứng từ).

Sau khi chị N khởi kiện và đến ngày Toà thẩm định, định giá tài sản (ngày 01/12/2016) chị L mới trả được 04 CPU main board Asus và 02 màn hình Dell. Việc chị L tự ý lấy máy vi tính đã gây thiệt hại cho chị N, nên chị N yêu cầu chị L phải trả:

- 01 thùng CPU main board Asus và 02 màn hình Dell có số hiệu, cấu hình như thẩm định ngày 01/12/2016 trị giá 6.064.750 đồng.

- Bồi thường mất thu nhập của 05 máy vi tính từ ngày 22/12/2014 đến ngày 01/12/2016 là 05 máy x 21.000 đồng/ngày x 709 ngày = 74.445.000 đồng.

- Bồi thường mất thu nhập của 01 máy tính từ ngày 01/12/2016 đến ngày 06/5/2017 là 01 máy x 21.000 đồng/ngày x 158 ngày = 3.318.000 đồng.

Tổng cộng 83.827.750 đồng.

Sau khi bản án số: 66/2017/DS-ST ngày 19 tháng 6 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách bị hủy một phần đối với phần bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất với tổng số tiền 74.445.00 đồng, chuyển hồ sơ về cho Tòa sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung. Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách thụ lý lại hồ sơ, trong quá trình giải quyết vụ án chị N vẫn giữ yêu cầu chị L bồi thường mất thu nhập của 05 máy tính từ ngày 22/12/2014 đến ngày 01/12/2016 là 05 máy x 21.000 đồng/ngày x 709 ngày = 74.445.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị L bồi thường mất thu nhập của 05 máy tính từ ngày 22/12/2014 đến ngày 01/12/2016 là: 05 máy x 10.000 đồng/ngày x 709 ngày = 35.450.000 đồng.

Theo bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn là chị Nguyễn Thị Trúc L trình bày:

Tại thời điểm tranh chấp thì chị N và chồng là ông Trần Đỗ V còn nợ chị tiền hụi là 13.000.000 đồng. Chị N không đồng ý trả số nợ này nên vào ngày 21/12/2014 chị có đến nhà gặp chị N để nói về số nợ, hai bên có tranh cãi và chị N yêu cầu chị lấy máy tính trừ nợ nên chị mới lấy 06 dàn máy vi tính của chị N.

Tại thời điểm lấy máy vi tính thì có sự chứng kiến của chị N và nhiều người khác, hoàn toàn không có xảy ra xô sát hay đe doạ, chị N là người chỉ cho chị lấy và đồng ý giao máy cho chị. Do không am hiểu về máy vi tính nên chị có nghe nói 01 bộ máy đã qua sử dụng thì giá khoảng 2.000.000 đồng/bộ nên chị lấy của chị N 06 bộ máy vi tính.

Đối với tranh chấp này thì chị N đã nhận lại 04 thùng CPU main board Asus và 02 màn hình Dell. Chị cho rằng cả chị và chị N đều có lỗi, vì vậy chị đồng ý bồi thường 01 thùng CPU main board Asus và 02 màn hình Dell có số liệu, cấu hình như thẩm định ngày 01/12/2016 có giá trị 6.064.750 đồng và tổng số tiền lãi là 4.000.124 đồng theo như Bản án dân sự sơ thẩm số: 66/2017/DS-ST ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đã tuyên. Riêng yêu cầu của chị N về bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất với tổng số tiền 35.450.000 đồng thì chị không đồng ý bồi thường vì chị N không chứng minh được thu nhập thực tế bị mất. Mặt khác, sau khi lấy máy vi tính của chị N thì chị đã yêu cầu trả lại máy nhưng chị N không chịu nhận.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách đưa vụ án ra xét xử với quyết định:

Áp dụng các Điều 604, 605, 606, 608 của Bộ luật dân sự năm 2005; các điều 357, 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Cẩm N đối với chị Nguyễn Thị Trúc L.

Buộc chị Nguyễn Thị Trúc L phải có nghĩa vụ bồi thường thu nhập bị mất cho chị Đỗ Thị Cẩm N đối với số tiền là 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hành tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, nguyên đơn chị Đỗ Thị Cẩm N kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo của chị Đỗ Thị Cẩm N và tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo ủy quyền của chị N là ông Trần Nhật Long H trình bày: vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo của chị N, ông H cho rằng mâu thuẫn giữa hai bên phát sinh từ việc tranh chấp tiền hụi, khi chị N nộp đơn ly hôn tại Tòa án, chị N đã yêu cầu chị L

đợi khi nào Tòa án giải quyết xong thì sẽ làm theo quyết định của Tòa nhưng chị L cho người đến lấy máy vi tính của chị N. Việc chị L cho rằng chị N đồng ý cho chị L lấy máy nhưng chị L không có chứng cứ chứng minh, trong suốt quá trình điều tra tại cơ quan điều tra cũng không thể hiện được việc chị N đồng ý cho chị L lấy máy. Việc chị L cho rằng có đến gặp chị N để trả máy nhưng chị N không thừa nhận, nếu chị L muốn trả máy thì có thể chở máy đến công an nhờ hỗ trợ hoặc chở máy đến nhà chị N nhưng chị L không có đem máy đến trả. Việc chị L giữ lấy máy vi tính trong thời gian dài đã gây thiệt hại cho chị N do không có máy để kinh doanh dịch vụ internet. Vì vậy, chị N yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận kháng cáo của chị N, sửa bản án dân sự sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, buộc chị L bồi thường cho chị N do bị mất thu nhập số tiền là 35.450.000 đồng = (709 ngày máy vi tính không hoạt động x 05 máy vi tính x 10.000 đồng/ngày).

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị Trúc L không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của chị N với lý do: việc chị lấy máy vi tính là được sự đồng ý của chị N, tiệm kinh doanh của chị N không phải lúc nào cũng có khách thuê, sẽ có khoảng thời gian có rất nhiều máy không hoạt động.

Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre phát biểu:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tuyên xử theo hướng: Chấp nhận một phần kháng cáo của chị N; chấp nhận một phần yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất của chị N. Buộc chị L có nghĩa vụ bồi thường cho chị N ½ số tiền mà chị N yêu cầu do trong vụ án này cả hai bên đều có lỗi, cụ thể buộc chị L bồi thường chị N số tiền 17.725.000 đồng.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của chị Đỗ Thị Cẩm Nhung và đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Giữa chị Đỗ Thị Cẩm N và chị Nguyễn Thị Trúc L có tranh chấp về tiền hụi, do chị N chưa trả tiền hụi cho chị L, nên vào ngày 21/12/2014 chị L đến nhà chị N, đồng thời lấy tài sản của chị N là 06 dàn máy vi tính để buộc chị N trả nợ hụi, sự việc này được các bên thừa nhận. Sau khi xảy ra sự việc, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Lách có làm việc với hai bên, kết quả xác định chị L không có mục đích chiếm đoạt tài sản của chị N, hành vi không cấu thành tội phạm nên quyết định không khởi tố vụ án hình sự. Tuy nhiên, việc chị L cho người lấy 06 dàn máy vi tính của chị N để buộc chị N phải trả đủ số tiền hụi cho chị L là hành vi trái pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[2] Xét về thiệt hại: Chị L lấy máy vi tính của chị N đem về nhà làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh dịch vụ internet của chị N. Thiệt hại xảy ra đối với chị N là hệ quả tất yếu của hành vi trái pháp luật của chị L.

[3] Xét về yếu tố lỗi: Chị L cho rằng ý định ban đầu của chị khi đến nhà chị N là để lấy tiền nợ hụi, nhưng chị N không trả tiền mà nói rằng giữa vợ chồng chị N đang làm thủ tục ly hôn tại Tòa án, nên đợi Tòa án giải quyết số tiền nợ hụi này, nên chị L tức giận. Chị L cũng thừa nhận tại Cảnh sát điều tra Công an huyện Chợ Lách là chị có trực tiếp điện thoại cho anh Võ Văn L1 và anh Nguyễn Thanh T đến tháo gỡ 06 máy vi tính của chị N, chị là người phụ đem máy ra xe và cùng với anh Trần Long H1, anh Võ Văn L1 và anh Nguyễn Thanh T chuyển máy tính về nhà chị. Mặc dù, chị L cho rằng chị N nói với chị là muốn gì thì lấy máy vi tính nhưng lời trình bày này của chị L không được chị N thừa nhận và chị L cũng không có chứng cứ chứng minh, chị L trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác là có lỗi cố ý. Chị L thừa nhận đi cùng nhiều người đến nhà chị N, khi nghe chị N không đồng ý trả tiền hụi và nói chờ kết quả Tòa án giải quyết thì người đi cùng chị L là Trần Long H1 đã to tiếng, có lời lẽ và hành động xúc phạm đến chị N thì chị L có xô anh Hải ra. Do đó, có thể thấy rằng việc chị L đến nhà chị N để đòi tiền nợ hụi, phía chị L không nghe lời giải thích của chị N, đồng thời người đi cùng có hành vi phần nào ảnh hưởng đến tinh thần của chị N. Tòa sơ thẩm xác định thời điểm chị L lấy 06 dàn máy vi tính, chị N cũng không có phản ứng hay động thái gì ngăn cản, không báo với chính quyền địa phương, cũng không có chứng cứ gì chứng minh mình đã cố gắng ngăn cản nhưng chị L vẫn lấy máy vi tính nên chị N cũng có một phần lỗi, phải chịu 50% thiệt hại xảy ra là không phù hợp, vì sau khi sự việc xảy ra chị N đã trình báo với Công an xã T. Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm nhận thấy chị L phải chịu trách nhiệm bồi thường 100% thiệt hại xảy ra từ lúc lấy máy vi tính chị N cho đến ngày 19/6/2015 (ngày Điều tra viên làm việc với chị N về việc chị L có đơn tự nguyện trả lại máy vi tính). Từ ngày 20/6/2015 đến ngày 01/12/2016 (ngày chị N nhận lại máy vi tính do chị L giao trả) do khoảng thời gian này chị N không chịu nhận lại máy nên cũng có phần lỗi, nên mỗi bên phải chịu 50% thiệt hại từ việc mất thu nhập của chị N.

[4] Theo quy định tại Điều 604 Bộ luật dân sự năm 2005 thì "*người nào do lỗi cố ý xâm phạm tài sản, quyền, lợi ích hợp pháp khác của cá nhân mà gây thiệt hại thì phải bồi thường"*. Việc chị L lấy máy vi tính của chị N đã gây thiệt hại đến việc sử dụng, khai thác dịch vụ kinh doanh Internet của chị N. Theo quy định tại Điều 608 Bộ luật dân sự năm 2005: "*trường hợp tài sản bị xâm phạm thì thiệt hại được bồi thường bao gồm lợi ích gắn liền với việc sử dụng, khai thác tài sản"*. Do đó, chị N yêu cầu chị L bồi thường mất thu nhập của 05 máy vi tính là có cơ sở nên được chấp nhận. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần xem xét về thời gian tính thiệt hại cho phù hợp. Chị N cho rằng thời gian xác định thiệt hại được tính từ ngày 22/12/2014 (ngày chị L lấy máy vi tính) đến ngày 01/12/2016 (ngày chị N nhận lại

máy vi tính do chị L giao trả). Phía chị L thì cho rằng sau khi sự việc xảy ra, chị có thiện chí trả lại máy cho chị N, nhưng chị N không chịu nhận. Chị L cho rằng chị có đơn xin tự nguyện trả máy vi tính đề ngày 29/12/2014 gửi Công an xã T, huyện C nhưng Công an xã T không nhận đơn mà hướng dẫn chị liên hệ với Công an huyện C. Sau đó, chị gửi đơn này cho Công an huyện C nhưng chị không nhớ gửi ngày nào, chỉ nhớ là từ 01 đến 02 tháng sau khi xảy ra sự việc và khi Công an huyện C nhận đơn cũng không có biên bản giao nhận. Điều tra viên Công an huyện C phụ trách thụ lý giải quyết sự việc giữa chị L và chị N cũng xác định thời gian chị L nộp đơn xin tự nguyện trả lại máy vi tính cho chị N nhưng điều tra viên không xác định được thời gian do không có lập biên bản giao nhận, chỉ nhớ thời gian chị L gửi đơn là từ 01 đến 02 tháng sau khi sự việc lấy máy vi tính xảy ra. Tòa sơ thẩm căn cứ vào lời trình bày của Điều tra viên để xác định thời gian chị L nộp đơn xin tự nguyện trả máy vi tính cho chị N là 02 tháng sau khi xảy ra sự việc chị L cho người lấy máy của chị N, đồng thời xác định đây là thời gian tính thiệt hại mà chị L gây ra cho chị N vì thời điểm đó chị L có thiện chí trả máy nhưng chị N không nhận. Lập luận nêu trên của Tòa án cấp sơ thẩm là không thuyết phục, bởi lẽ khoảng thời gian từ 01 đến 02 tháng là do Điều tra viên nêu ra chứ không có văn bản thể hiện chính xác về thời gian chị L gửi đơn đến Công an huyện C xin tự nguyện trả lại máy cho chị N.

[5] Tại biên bản làm việc ngày 19/6/2015 của Công an huyện C, Điều tra viên đã hỏi chị N là "Chị N cho biết Linh có yêu cầu xin trả lại máy hay không?" thì chị N trả lời là "Linh có yêu cầu xin trả lại số máy vi tính cho tôi nhưng tôi không biết là thiệt hại của tôi bao nhiêu cũng không biết là số máy trên còn hoạt động được hay không nên tôi không đồng ý nhận lại máy". Ngoài ra, tại biên bản làm việc ngày 11/5/2018 của Tòa án đối với Điều tra viên đã làm việc với chị N ngày 19/6/2015 thì Điều tra viên cũng trình bày thống nhất là ngày 19/6/2015 anh làm việc với chị N thì được chị N cho biết là chị L có đến gặp chị N để xin trả lại máy vi tính nhưng chị N không đồng ý nhận do không biết máy vi tính có bị hư gì không, còn thời gian chị L đến xin trả lại máy thì không xác định được. Cả nguyên đơn và bị đơn đều không chứng minh được thời gian chị L có đơn xin tự nguyện trả lại máy cho chị N. Lẽ ra, khi chị L có thiện chí trả lại máy thì chị N phải nhận máy, nếu nghi ngờ máy bị hư hỏng thì có thể yêu cầu người có chuyên môn kiểm tra trước khi nhận. Việc chị N không nhận máy là lỗi của chị N. Chị L cũng đã làm hết khả năng bằng cách gửi đơn đến Công an xã Tân Thiềng và Công an huyện Chợ Lách để được giải quyết trả lại máy cho chị N, đơn của chị L chưa được giải quyết là yếu tố khách quan, không phải lỗi của chị L. Như vậy, chỉ có cơ sở để xác định thời gian mất thu nhập từ việc kinh doanh Internet như sau: Từ ngày 21/12/2014 (ngày chị L lấy máy vi tính của chị N) đến ngày 19/6/2015 (ngày điều tra viên làm việc với bà Nhung) là **201** ngày; từ ngày 20/6/2015 đến ngày 01/12/2016 (ngày chị N nhận lại máy vi tính do chị L giao trả) là **508** ngày.

[6] Về thu nhập bị mất: Chị Ncho rằng thu nhập bị mất trung bình của mỗi máy vi tính là 10.000 đồng/ngày. Mặc dù, chị N không cung cấp được chứng cứ chứng minh thu nhập thực tế từng máy vi tính bị chị L lấy trong thời gian xảy ra sự việc, nhưng theo xác nhận của Chi cục thuế huyện C thì trong khoảng thời gian từ 20/02/2014 đến ngày 31/12/2016 chị N là hộ kinh doanh thuộc diện không phải nộp thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập cá nhân mà chỉ có nộp thuế môn bài mỗi năm 500.000 đồng. Với mức thuế môn bài này thì việc nguyên đơn cho rằng thu nhập trung bình của mỗi máy vi tính là 10.000 đồng/ngày là phù hợp, đồng thời chị L cũng đồng ý là thu nhập trung bình của mỗi một máy vi tính là khoảng 10.000 đồng/ngày nên có cơ sở chấp nhận. Như vậy, thu nhập bị mất được xác định như sau:

- Từ ngày 22/12/2014 (ngày chị L lấy máy vi tính) đến ngày 19/6/2015 là 201 ngày x 05 máy x 10.000 đồng/ngày = 10.050.000 đồng.

- Từ ngày 20/6/2015 đến ngày 01/12/2016 (ngày chị N nhận lại máy vi tính do chị L giao trả) là 508 ngày x 05 máy x 10.000 đồng/ngày x ½ = 12.700.000 đồng.

Tổng cộng số tiền chị L phải bồi thường cho chị N là 22.750.000 đồng.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử thấy rằng cần chấp nhận một phần kháng cáo của chị N, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận một phần yêu cầu của chị Đỗ Thị Cẩm N về yêu cầu bồi thường thiệt hại do thu nhập bị mất là 22.750.000 đồng.

[8] Quan điểm của kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre về việc xác định mỗi bên đương sự phải chịu 50% thiệt hại cho toàn bộ khoảng thời gian chị L giữ máy tính của chị N là chưa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu: 5% x 22.750.000 đồng = 1.137.500 đồng. Chị Đỗ Thị Cẩm N phải chịu: 5% x (35.450.000 đồng – 22.750.000 đồng) = 635.000 đồng.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên chị Đỗ Thị Cẩm N không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn chị Đỗ Thị Cẩm N.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 76/2018/DS-ST ngày 09 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Áp dụng các điều 604, 605, 606, 608 Bộ luật dân sự năm 2005, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Áp dụng Pháp lệnh về án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Đỗ Thị Cẩm N đối với chị Nguyễn Thị Trúc L.

Buộc chị Nguyễn Thị Trúc L phải có nghĩa vụ bồi thường thu nhập của 05 máy vi tính bị mất cho chị Đỗ Thị Cẩm N với số tiền là 22.750.000 đồng (hai mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Trúc L phải chịu 1.137.500 đồng (một triệu, một trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng).

Chị Đỗ Thị Cẩm N phải chịu 635.000 đồng (sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.640.000 đồng (hai triệu, sáu trăm bốn mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0022915 ngày 14 tháng 7 năm 2016 và 664.000 đồng (sáu trăm, sáu mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu số 0023371 ngày 07 tháng 3 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre. Hoàn trả cho chị Đỗ Thị Cẩm N số tiền 1.341.000 đồng (một triệu, ba trăm bốn mươi mốt nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Đỗ Thị Cẩm N không phải chịu án phí. Hoàn trả cho chị Đỗ Thị Cẩm N số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0017571 ngày 25 tháng 7 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Lách, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án

theo qui định tại các Điều 6, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Chợ Lách;
- Chi cục THADS huyện Chợ Lách;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Phạm Văn Ngọt